

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán bán niên năm 2023 với UBCK NN và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu**

- Mã chứng khoán: SBD
- Địa chỉ: Lô U14b-16a, đường số 22, KCX Tân Thuận, P Tân Thuận Đông, Q7, HCM
- Điện thoại liên hệ: 028 37700968 Fax: 028 37700969
- Email: [info@saobacdau.vn](mailto:info@saobacdau.vn) Website: [www.saobacdau.vn](http://www.saobacdau.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTCKT bán niên năm 2023  
 BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 27/11/2023 tại đường dẫn: [www.saobacdau.vn](http://www.saobacdau.vn)

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTCKT hợp nhất bán niên năm tài chính 2023
- Văn bản giải trình chỉ tiêu 60
- Văn bản giải trình chênh lệch trước và sau kiểm toán.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật

**Tổng Giám Đốc**  
  
*Nguyễn Hồng Minh*



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/09/2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông,  
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

|                                                   | <b>Trang</b> |
|---------------------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC                     | 1 – 2        |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ | 3 – 4        |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT       |              |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất                     | 5 – 6        |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất     | 7            |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất               | 8 – 9        |
| Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất        | 10 – 42      |

391  
CÔNG  
TNH  
DÂN  
VIỆ  
P.N

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/09/2023.

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u>             | <u>Chức vụ</u>                          |
|------------------------|-----------------------------------------|
| Ông Nguyễn Đức Quang   | Chủ tịch                                |
| Ông Đỗ Văn Hòa         | Phó Chủ tịch                            |
| Ông Nguyễn Việt Thắng  | Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 30/10/2023) |
| Ông Lê Hồng Phong      | Thành viên                              |
| Ông Nguyễn Xuân Trường | Thành viên                              |
| Ông Đặng Nam Sơn       | Thành viên                              |
| Ông Nguyễn Tuấn Nghĩa  | Thành viên                              |

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u>              | <u>Chức vụ</u>                        |
|-------------------------|---------------------------------------|
| Bà Mai Thị Thúy Mai     | Trưởng ban                            |
| Bà Đặng Thị Thanh Hương | Thành viên                            |
| Bà Trần Thị Mỹ Nhị      | Thành viên (bổ nhiệm ngày 19/07/2023) |

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u>             | <u>Chức vụ</u>    |
|------------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Hồng Minh   | Tổng Giám đốc     |
| Ông Trần Tuyên Đức     | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Xuân Trường | Phó Tổng Giám đốc |

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ kèm theo, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 09 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Hồng Minh**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023

Số: 52/2023/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẤU**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 27 tháng 11 năm 2023, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

***Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ***

Như được trình bày tại Mục 4.2 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, đến ngày 30 tháng 09 năm 2023, Tập đoàn có các khoản đầu tư liên doanh, liên kết vào Công ty Cổ phần Công nghệ Mideas, Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH với tỷ lệ vốn góp lần lượt là 46,56%, 22,27% và 27,03%, giá trị đầu tư lần lượt là 2,4 tỷ VND, 1,96 tỷ VND và 1,88 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ thông tin thích hợp để đánh giá việc hợp nhất phần lãi, lỗ từ các công ty liên doanh, liên kết nêu trên vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất kỳ này (nếu có) vì chúng tôi không được tiếp cận với thông tin tài chính và báo cáo tài chính của các công ty này cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2023. Do đó, chúng tôi không thể kết luận liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu liên quan hay không.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

### ***Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (tiếp theo)***

Bên cạnh đó, đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét, chúng tôi vẫn chưa thu thập được thư xác nhận công nợ cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế khác để có thể cho kết luận về một số khoản công nợ đã được nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023. Các công nợ này còn số dư tại ngày 30 tháng 09 năm 2023 được chi tiết như sau:

- Khoản mục Phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 30/09/2023 với số tiền là 2,50 tỷ VND;
- Khoản mục Phải thu dài hạn của khách hàng tại ngày 30/09/2023 với số tiền là 19,16 tỷ VND;

Do đó, chúng tôi không thể kết luận liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

### ***Kết luận ngoại trừ***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con tại ngày 30 tháng 09 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/03/ 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **KT, TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lục Thị Vân**  
**Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2023-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30/09/2023

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | TM   | Tại ngày 30/09/2023    | Tại ngày 01/04/2023    |
|----------------------------------------------|------------|------|------------------------|------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |      | <b>634.578.362.999</b> | <b>670.681.679.567</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> |      | <b>12.730.682.652</b>  | <b>6.855.067.298</b>   |
| 1. Tiền                                      | 111        | 4.1  | 12.730.682.652         | 6.855.067.298          |
| <b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>       | <b>130</b> |      | <b>373.415.390.183</b> | <b>466.868.889.653</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 4.3  | 318.680.378.607        | 416.665.048.587        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        |      | 10.915.308.060         | 5.301.974.050          |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn              | 135        |      | 800.000.000            | 906.518.060            |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | 4.5  | 69.417.407.697         | 63.710.029.714         |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137        | 4.6  | (26.397.704.181)       | (19.714.680.758)       |
| <b>III. Hàng tồn kho</b>                     | <b>140</b> | 4.7  | <b>246.229.723.580</b> | <b>196.476.064.514</b> |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        |      | 246.237.161.378        | 196.483.502.312        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            | 149        |      | (7.437.798)            | (7.437.798)            |
| <b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>             | <b>150</b> |      | <b>2.202.566.584</b>   | <b>481.658.102</b>     |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        |      | 238.715.535            | 149.568.682            |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                   | 152        |      | 1.900.986.708          | 282.584.930            |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 153        | 4.12 | 62.864.341             | 49.504.490             |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |      | <b>117.569.389.661</b> | <b>118.284.405.807</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b> |      | <b>24.910.714.785</b>  | <b>24.027.645.712</b>  |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng           | 211        | 4.4  | 19.155.005.465         | 19.155.005.465         |
| 2. Phải thu dài hạn khác                     | 216        | 4.5  | 5.755.709.320          | 4.872.640.247          |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b> |      | <b>70.516.475.823</b>  | <b>67.634.323.121</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | 4.8  | 38.887.545.216         | 55.440.237.622         |
| Nguyên giá                                   | 222        |      | 148.893.055.586        | 157.450.490.250        |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 223        |      | (110.005.510.370)      | (102.010.252.628)      |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính            | 224        | 4.9  | 26.144.959.585         | 9.568.696.476          |
| Nguyên giá                                   | 225        |      | 41.411.450.543         | 27.092.114.604         |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 226        |      | (15.266.490.958)       | (17.523.418.128)       |
| 3. Tài sản cố định vô hình                   | 227        |      | 5.483.971.022          | 2.625.389.023          |
| Nguyên giá                                   | 228        |      | 9.054.031.934          | 5.553.223.195          |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 229        |      | (3.570.060.912)        | (2.927.834.172)        |
| <b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>          | <b>240</b> |      | <b>2.902.346.566</b>   | <b>6.277.155.305</b>   |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 242        |      | 2.902.346.566          | 6.277.155.305          |
| <b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>          | <b>250</b> | 4.2  | <b>10.782.005.705</b>  | <b>10.570.029.005</b>  |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết   | 252        |      | 10.782.005.705         | 10.570.029.005         |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác            | 253        |      | 1.200.000.000          | 1.200.000.000          |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn         | 254        |      | (1.200.000.000)        | (1.200.000.000)        |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>               | <b>260</b> |      | <b>8.457.846.782</b>   | <b>9.775.252.664</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        |      | 7.913.178.807          | 9.153.019.346          |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại            | 262        |      | 544.667.975            | 622.233.318            |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>   | <b>270</b> |      | <b>752.147.752.660</b> | <b>788.966.085.374</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/09/2023

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN                                    | Mã số      | TM     | Tại ngày<br>30/09/2023 | Tại ngày<br>01/04/2023 |
|----------------------------------------------|------------|--------|------------------------|------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                        | <b>300</b> |        | <b>610.694.576.564</b> | <b>661.808.243.913</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                        | <b>310</b> |        | <b>591.053.760.194</b> | <b>649.060.896.683</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn               | 311        | 4.10   | 207.718.448.863        | 205.193.857.160        |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn         | 312        | 4.11   | 48.735.321.060         | 57.600.899.543         |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước       | 313        | 4.12   | 5.837.293.279          | 7.793.005.738          |
| 4. Phải trả người lao động                   | 314        |        | 44.485.658             | 7.448.618.306          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                 | 315        |        | 5.021.377.252          | 10.081.601.205         |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn         | 318        | 4.13   | 13.078.751.680         | 9.076.652.639          |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác                    | 319        | 4.14   | 17.831.847.828         | 24.768.162.162         |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn         | 320        | 4.15   | 292.786.234.574        | 327.098.099.930        |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                        | <b>330</b> |        | <b>19.640.816.370</b>  | <b>12.747.347.230</b>  |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn          | 338        | 4.15   | 16.918.394.114         | 9.471.598.422          |
| 2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả           | 341        |        | 1.771.967.942          | 1.771.967.942          |
| 3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ      | 343        |        | 950.454.314            | 1.503.780.866          |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                     | <b>400</b> |        | <b>141.453.176.096</b> | <b>127.157.841.461</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                     | <b>410</b> | 4.16.1 | <b>141.453.176.096</b> | <b>127.157.841.461</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                    | 411        | 4.16.2 | 135.146.800.000        | 121.783.800.000        |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       | 411a       |        | 135.146.800.000        | 121.783.800.000        |
| 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối         | 421        |        | 5.524.371.923          | 4.606.794.995          |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước      | 421a       |        | 4.606.794.995          | 842.332.662            |
| LNST chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |        | 917.576.928            | 3.764.462.333          |
| 3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát           | 429        |        | 782.004.173            | 767.246.466            |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b> | <b>440</b> |        | <b>752.147.752.660</b> | <b>788.966.085.374</b> |



Nguyễn Hồng Minh  
Tổng Giám đốc

Ngô Tiên Mạnh  
Kế toán trưởng

Đậu Trọng Hiệp  
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/09/2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                           | Mã số | TM     | Kỳ này          | Kỳ trước         |
|----------------------------------------------------|-------|--------|-----------------|------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | 5.1    | 345.329.907.084 | 264.828.168.304  |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |        | 345.329.907.084 | 264.828.168.304  |
| 3. Giá vốn hàng bán                                | 11    | 5.2    | 274.027.548.883 | 223.730.734.633  |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |        | 71.302.358.201  | 41.097.433.671   |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    |        | 1.084.550.979   | 1.304.274.849    |
| 6. Chi phí tài chính                               | 22    | 5.3    | 20.363.292.648  | 14.745.013.981   |
| <i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>                   | 23    |        | 19.586.560.637  | 13.096.132.595   |
| 7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết         | 24    |        | 211.976.700     | 566.545.037      |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    | 5.4    | 25.216.281.969  | 24.915.512.674   |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | 5.5    | 28.718.013.436  | 46.185.468.977   |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |        | (1.698.702.173) | (42.877.742.075) |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    |        | 6.562.608.732   | 5.890.288.983    |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    |        | 3.853.346.222   | 115.462.322      |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |        | 2.709.262.510   | 5.774.826.661    |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |        | 1.010.560.337   | (37.102.915.414) |
| 15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                     | 52    |        | 77.565.343      | 506.961.706      |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |        | 932.994.994     | (37.609.877.120) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ              | 61    |        | 917.576.928     | (32.493.138.746) |
| 18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62    |        | 15.418.066      | (5.116.738.374)  |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | 4.16.5 | 68              | (2.825)          |
| 20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | 4.16.6 | 68              | (2.668)          |



Nguyễn Hồng Minh  
Tổng Giám đốc

Ngô Tiến Mạnh  
Kế toán trưởng

Đậu Trọng Hiệp  
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/09/2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                       | Mã số     | TM   | Kỳ này                 | Kỳ trước                |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------|------------------------|-------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                              |           |      |                        |                         |
| <b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>                                                                 | <b>01</b> |      | <b>1.010.560.337</b>   | <b>(37.102.915.414)</b> |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>                                                            |           |      |                        |                         |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT                                                                         | 02        | 5.6  | 15.809.261.687         | 16.447.166.153          |
| Các khoản dự phòng                                                                             | 03        |      | 6.683.023.423          | 20.505.974.667          |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ       | 04        |      | 383.373.139            | -                       |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                                    | 05        |      | (7.141.849.384)        | (7.304.101.841)         |
| Chi phí lãi vay                                                                                | 06        | 5.3  | 19.586.560.637         | 13.096.132.595          |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>                                                    | <b>08</b> |      | <b>36.330.929.839</b>  | <b>5.642.256.160</b>    |
| Tăng, giảm các khoản phải thu                                                                  | 09        |      | 99.322.090.758         | 152.811.451.045         |
| Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                        | 10        |      | (49.753.659.066)       | (77.675.675.251)        |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11        |      | (16.614.902.977)       | 30.784.128.779          |
| Tăng giảm chi phí trả trước                                                                    | 12        |      | 1.150.693.686          | 1.978.347.144           |
| Tiền lãi vay đã trả                                                                            | 14        |      | (19.586.560.637)       | (13.096.132.595)        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                              | 15        | 4.12 | (2.265.778.474)        | (24.290.165)            |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                           | <b>20</b> |      | <b>48.582.813.129</b>  | <b>100.420.085.117</b>  |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                                 |           |      |                        |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                              | 21        |      | (8.925.305.735)        | (3.913.367.789)         |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                           | 22        |      | -                      | 6.428.090.940           |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                | 24        |      | 106.518.060            | 200.000.000             |
| 4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                 | 26        |      | 100.000.000            | 1.170.000.000           |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                         | 27        |      | 748.189.530            | 260.083.464             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                               | <b>30</b> |      | <b>(7.970.598.145)</b> | <b>4.144.806.615</b>    |

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông,  
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/09/2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                       | Mã số     | TM  | Kỳ này                  | Kỳ trước                 |
|----------------------------------------------------------------|-----------|-----|-------------------------|--------------------------|
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>             |           |     |                         |                          |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31        |     | 13.363.000.000          | -                        |
| 2. Tiền thu từ đi vay                                          | 33        | 6.1 | 277.894.302.876         | 218.576.229.567          |
| 3. Tiền trả nợ gốc vay                                         | 34        | 6.2 | (318.455.359.743)       | (319.199.347.726)        |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính                          | 35        |     | (7.537.882.404)         | (6.602.920.014)          |
| 5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                     | 36        |     | (660.359)               | (111.662.050)            |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>            | <b>40</b> |     | <b>(34.736.599.630)</b> | <b>(107.337.700.223)</b> |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>                          |           |     |                         |                          |
| <b>(50 = 20+30+40)</b>                                         | <b>50</b> |     | <b>5.875.615.354</b>    | <b>(2.772.808.491)</b>   |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                               | 60        |     | 6.855.067.298           | 7.902.645.804            |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ        | 61        |     | -                       | -                        |
| <b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>                        |           |     |                         |                          |
| <b>(70 = 50+60+61)</b>                                         | <b>70</b> | 4.1 | <b>12.730.682.652</b>   | <b>5.129.837.313</b>     |



Nguyễn Hồng Minh  
Tổng Giám đốc

Ngô Tiên Mạnh  
Kế toán trưởng

Đậu Trọng Hiệp  
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN/HN

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện – Điện tử – Tin học Sao Bắc Đầu. Ngày 30 tháng 08 năm 2007, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 24 vào ngày 10 tháng 05 năm 2023.

Ngày 11 tháng 12 năm 2007, Công ty đã đăng ký là Công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tại ngày 31 tháng 10 năm 2016, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chứng nhận Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 131/2016/GCNCNP-VSD vào ngày 31 tháng 10 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 135.146.800.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại Mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn").

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 09 năm 2023 gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu: Tầng 3, CT1AB, khu đô thị VOV Mễ Trì - phường Mễ Trì - quận Nam Từ Liêm - Hà Nội, Việt Nam;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu tại thành phố Đà Nẵng: Số 02 Quang Trung, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam;
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu: 27/14B Cách Mạng Tháng Tám, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 09 năm 2023 là 228 (31/03/2023: 242).

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh tích hợp hệ thống công nghệ thông tin.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

**1.5. Các công ty con được hợp nhất**

*Các công ty con trực tiếp:*

| STT | Tên                                             | Ngành nghề hoạt động chính                                                                                                                                                                                                                                                 | Địa chỉ                                                                                                                | Tỷ lệ quyền vốn góp | Tỷ lệ lợi ích |
|-----|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------|
| 1.  | Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đầu  | <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;</li> <li>▪ Bán buôn và bán lẻ máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;</li> <li>▪ Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.</li> </ul> | Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam            | 88,89%              | 88,89%        |
| 2.  | Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam  | <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Dịch vụ tư vấn liên quan đến lắp đặt phần cứng máy vi tính;</li> <li>▪ Dịch vụ xử lý dữ liệu; Dịch vụ cơ sở dữ liệu.</li> </ul>                                                                                                   | Phòng 26, nhà 8, Đường số 3, công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 99,98%              | 99,98%        |
| 3.  | Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính.                                                                                                                                                                                           | Phòng 1, Nhà 8, Đường số 13, công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 99,98%              | 99,98%        |

**1.6. Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

| STT | Tên                          | Ngành nghề hoạt động chính                                                                                                                                                                                                                                         | Địa chỉ                                                                                                     | Tỷ lệ quyền vốn góp | Tỷ lệ lợi ích |
|-----|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------|
| 1.  | Công ty Cổ phần Công nghệ QI | <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Lắp đặt hệ thống mạng nội bộ, hệ thống ứng dụng truyền hình và mạng viễn thông, thiết bị bảo vệ - báo động;</li> <li>▪ Hoạt động viễn thông có dây, hoạt động viễn thông không dây, cung cấp dịch vụ Internet.</li> </ul> | Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 33,43%              | 33,43%        |

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****1.7. Các công ty liên kết ngừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất**

| STT | Tên                                  | Ngành nghề hoạt động chính                          | Địa chỉ                                                                                            | Tỷ lệ quyền vốn góp | Tỷ lệ lợi ích |
|-----|--------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------|
| 1.  | Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas     | Xuất bản phần mềm                                   | Lầu 4, Tòa nhà Win Home, Số 09 Hoa Cau, Phường 07, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 46,56%              | 46,56%        |
| 2.  | Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm | 833 Lê Hồng Phong, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam                             | 22,27%              | 22,27%        |
| 3.  | Công ty TNHH Dịch vụ Tin học CEH     | Lập trình máy vi tính                               | Số 64/1K đường Võ Oanh, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam                | 27,03%              | 27,03%        |

Nguyên nhân ngừng hợp nhất quyền lợi là do Tập đoàn chưa thu thập được thông tin tài chính và báo cáo tài chính của các công ty liên kết nêu trên cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm trước đến ngày 31 tháng 03 năm nay.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**2.5. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### **2.5. Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)**

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tập đoàn chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

#### ***Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát***

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### ***Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ***

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2023 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023.

#### **3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ/ tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

#### **3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 09 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **3.3. Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng tại ngày báo cáo.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### **3.4. Đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***

##### ***Đầu tư vào công ty liên kết***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

##### ***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

#### ***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác***

##### ***Đối với các khoản đầu tư khác***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

### **3.5. Nợ phải thu**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

#### ***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### **3.6. Hàng tồn kho**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

### **3.7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

#### ***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### **3.7. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

|                                  |             |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc         | 15 – 40 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị               | 03 – 08 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 năm      |

### **3.8. Thuê tài sản**

#### ***Phân loại thuê tài sản***

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

#### ***Thuê tài chính***

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Tập đoàn hoặc theo thời hạn thuê. Thời gian khấu hao ước tính cho máy móc thiết bị là từ 2 năm đến 4 năm.

#### ***Thuê hoạt động***

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

### **3.9. Cho thuê tài sản**

#### ***Cho thuê hoạt động***

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Tập đoàn.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.10. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong kỳ vào ngày công bố cổ tức.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.12. Doanh thu và thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

**3.13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.14. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

### **3.15. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng như các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí triển khai thực hiện hợp đồng, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng),...

### **3.16. Thuế**

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

##### ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:

Thuế suất 10% đối với hoạt động được hưởng ưu đãi;  
Thuế suất 20% đối với hoạt động không được hưởng ưu đãi.

##### ***Chi phí thuế TNDN hoãn lại***

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.16. Thuế (tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

*Ưu đãi, miễn giảm thuế*

Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 60/ĐK-DNKHCN vào ngày 31/07/2018 từ Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh. Theo đó, công ty mẹ được công nhận danh mục 16 sản phẩm hàng hóa hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ. Căn cứ theo Thông tư liên tịch số 17/2012/TTLT-BKHCN-BTC-BNV ngày 10/09/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về doanh nghiệp Khoa học và công nghệ, công ty mẹ được ưu đãi như sau:

- Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động khoa học và công nghệ (năm 2011);
- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2011).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4234430517 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 07 năm 2017, công ty con – Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam thực hiện dự án “Trung tâm sản xuất phần mềm và tích hợp hệ thống” tại Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh. Và theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, công ty con này có thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, công ty con này được hưởng ưu đãi:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (kể từ năm tài chính 2017) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (kể từ năm tài chính 2021);
- Được hưởng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh.

*(Xem tiếp trang sau)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.16. Thuế (tiếp theo)**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0488758402 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 08 năm 2019, công ty con – Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu thực hiện dự án “Trung tâm sản xuất phần mềm và tích hợp hệ thống” tại Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh. Và theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, công ty con này có thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, công ty con này được hưởng ưu đãi:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (kể từ năm tài chính 2019) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (kể từ năm tài chính 2023);
- Được hưởng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu bắt đầu thực hiện dự án đầu tư.

Riêng giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2019 đến 31 tháng 03 năm 2019 (năm tài chính chuyển đổi niên độ), Tập đoàn lựa chọn nộp thuế theo mức thuế suất không được hưởng ưu đãi là 20% của năm chuyển đổi kỳ tính thuế và tiếp tục hưởng ưu đãi thuế TNDN sang các năm kế tiếp theo quy định của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Phần mềm tin học: không chịu thuế;
- Xuất thiết bị vào khu phi thuế quan: 0%;
- Doanh thu thiết bị và hàng hóa: 10%;
- Dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác: 10%.

Theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2023, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023. Cụ thể, một số loại hàng hóa, dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác của Tập đoàn được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%.

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

**3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.19. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**3.20. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****4.1. Tiền**

|                                 | Tại ngày<br>30/09/2023<br>VND | Tại ngày<br>01/04/2023<br>VND |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt                        | 116.085.454                   | 214.200.866                   |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 12.614.597.198                | 6.640.866.432                 |
| <b>Cộng</b>                     | <b>12.730.682.652</b>         | <b>6.855.067.298</b>          |

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

|                                          | Tại ngày 30/09/2023<br>VND |                                         | Tại ngày 01/04/2023<br>VND |                                         |
|------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------|
|                                          | Giá gốc                    | Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu | Giá gốc                    | Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: |                            |                                         |                            |                                         |
| Công ty Cổ phần Công nghệ QI             | 6.631.393.955              | 7.802.553.631                           | 6.631.393.955              | 7.590.576.931                           |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Mideas (*)     | 2.400.000.000              | 920.951.212                             | 2.400.000.000              | 920.951.212                             |
| Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT (*) | 1.960.000.000              | 266.671.527                             | 1.960.000.000              | 266.671.527                             |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH (*) | 1.875.000.000              | 1.791.829.335                           | 1.875.000.000              | 1.791.829.335                           |
| <b>Cộng</b>                              | <b>12.866.393.955</b>      | <b>10.782.005.705</b>                   | <b>12.866.393.955</b>      | <b>10.570.029.005</b>                   |

(\*) Tập đoàn ngừng áp dụng giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu vào công ty liên kết – Công ty Cổ phần Công nghệ Mideas, Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH là do Tập đoàn chưa thu thập được thông tin tài chính và báo cáo tài chính của các công ty liên kết này cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023. Theo đó, giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 30/09/2023 của các công ty liên kết này không thay đổi so với số đầu năm.

|                                                 | Tại ngày 30/09/2023<br>VND |                     |                 | Tại ngày 01/04/2023<br>VND |                     |                 |
|-------------------------------------------------|----------------------------|---------------------|-----------------|----------------------------|---------------------|-----------------|
|                                                 | Giá gốc                    | Giá trị hợp lý (**) | Dự phòng        | Giá gốc                    | Giá trị hợp lý (**) | Dự phòng        |
| Đầu tư vào đơn vị khác:                         |                            |                     |                 |                            |                     |                 |
| Công ty Cổ phần Sách và Học liệu điện tử Pharos | 1.200.000.000              |                     | (1.200.000.000) | 1.200.000.000              |                     | (1.200.000.000) |

(\*\*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do đó, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|                                                                             | Tại ngày<br>30/09/2023<br>VND | Tại ngày<br>01/04/2023<br>VND |
|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8                   | 1.308.694.849                 | 1.583.806.849                 |
| Phải thu từ khách hàng:                                                     |                               |                               |
| Tổng Công ty Truyền thông                                                   | 86.478.711.200                | -                             |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả                                               | 49.767.869.596                | 52.224.714.138                |
| Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Thành phố Hà Tĩnh                         | 38.282.499.707                | 38.282.499.707                |
| Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao                      | 15.658.878.238                | 15.658.878.238                |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin và Hạ tầng Truyền dẫn Vinitis | 7.798.603.156                 | 46.967.991.670                |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á                                     | 322.077.800                   | 35.596.496.800                |
| Các khách hàng khác (*)                                                     | 119.063.044.061               | 226.350.661.185               |
| <b>Cộng</b>                                                                 | <b>318.680.378.607</b>        | <b>416.665.048.587</b>        |

(\*) Tại ngày 30/09/2023, mỗi khoản phải thu các khách hàng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

**4.4. Phải thu dài hạn của khách hàng**

Là khoản phải thu dài hạn của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao cho gói thầu cung cấp và lắp đặt hệ thống mạng máy tính, thông tin liên lạc cho công trình (TB-06) thuộc dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao giai đoạn 1. Hiện nay, dự án đang được triển khai tiếp tục cho giai đoạn 2. Khoản phải thu này dự kiến sẽ được khách hàng thanh toán sau khi hoàn tất tổng thể toàn bộ dự án.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.5. Phải thu khác**

|                                                              | Tại ngày 30/09/2023          |                 | Tại ngày 01/04/2023          |                 |
|--------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------|------------------------------|-----------------|
|                                                              | VND                          |                 | VND                          |                 |
|                                                              | Giá trị                      | Dự phòng        | Giá trị                      | Dự phòng        |
| Ngắn hạn:                                                    |                              |                 |                              |                 |
| Phải thu khác từ các bên liên quan                           | -                            | -               | 735.392.000                  | -               |
| Phải thu người lao động                                      | 3.906.329.533                | -               | 5.661.070.183                | -               |
| Ký quỹ bảo hành công trình cho Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả | 51.318.673.019               | -               | 51.318.673.019               | -               |
| Ký cược, ký quỹ khác                                         | 2.720.275.118                | -               | 2.583.166.396                | -               |
| Phải thu khác (*)                                            | 11.472.130.027               | -               | 3.411.728.116                | -               |
| <b>Cộng</b>                                                  | <b><u>69.417.407.697</u></b> | <b><u>-</u></b> | <b><u>63.710.029.714</u></b> | <b><u>-</u></b> |

(\*) Tại ngày 30/09/2023, mỗi khoản phải thu khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số phải thu khác ngắn hạn.

Dài hạn:

|                      |               |   |               |   |
|----------------------|---------------|---|---------------|---|
| Ký cược, ký quỹ khác | 5.755.709.320 | - | 4.872.640.247 | - |
|----------------------|---------------|---|---------------|---|

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.6. Nợ xấu**

|                                                                            | Tại ngày 30/09/2023 |                        | Tại ngày 01/04/2023 |                        |
|----------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------|---------------------|------------------------|
|                                                                            | VND                 |                        | VND                 |                        |
|                                                                            | Giá gốc             | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc             | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi | 62.571.245.708      | 36.173.541.527         | 62.174.134.530      | 42.459.453.772         |

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

|                                             | Tại ngày 30/09/2023   |                        |                   | Tại ngày 01/04/2023   |                        |                   |
|---------------------------------------------|-----------------------|------------------------|-------------------|-----------------------|------------------------|-------------------|
|                                             | VND                   |                        |                   | VND                   |                        |                   |
|                                             | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả               | 49.767.869.596        | 34.102.609.230         | Trên 3 năm        | 52.224.714.138        | 42.459.453.772         | Trên 3 năm        |
| Công ty Cổ phần Công nghệ OTP Việt Nam      | 5.513.990.156         | -                      | Trên 3 năm        | 5.513.990.156         | -                      | Trên 3 năm        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa | 4.068.519.000         | -                      | Trên 3 năm        | 4.068.519.000         | -                      | Trên 3 năm        |
| Các đối tượng khác                          | 3.220.866.956         | 2.070.932.297          | Trên 3 năm        | 366.911.236           | -                      | Trên 3 năm        |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>62.571.245.708</b> | <b>36.173.541.527</b>  |                   | <b>62.174.134.530</b> | <b>42.459.453.772</b>  |                   |

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.7. Hàng tồn kho**

|                                     | Tại ngày 30/09/2023<br>VND |                    | Tại ngày 01/04/2023<br>VND |                    |
|-------------------------------------|----------------------------|--------------------|----------------------------|--------------------|
|                                     | Giá gốc                    | Dự phòng           | Giá gốc                    | Dự phòng           |
| Hàng mua đang đi đường              | -                          | -                  | 2.505.199.294              | -                  |
| Hàng tại kho Tập đoàn               | 35.059.792.063             | (7.437.798)        | 15.024.218.054             | (7.437.798)        |
| Hàng tại kho triển khai             | 126.910.095.789            | -                  | 112.552.257.023            | -                  |
| Kho theo dõi hàng cho thuê          | 73.858.480                 | -                  | 73.858.480                 | -                  |
| Kho theo dõi hàng Hà Nội            | 29.731.541.789             | -                  | 24.289.897.580             | -                  |
| Hàng hóa bất động sản               | -                          | -                  | 1.862.858.455              | -                  |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 54.461.873.257             | -                  | 40.162.433.426             | -                  |
| Công cụ, dụng cụ                    | -                          | -                  | 12.780.000                 | -                  |
| <b>Cộng</b>                         | <b>246.237.161.378</b>     | <b>(7.437.798)</b> | <b>196.483.502.312</b>     | <b>(7.437.798)</b> |

**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

| Khoản mục                  | Nhà cửa, vật<br>kiến trúc<br>VND | Máy móc,<br>thiết bị<br>VND | Phương<br>tiện vận tải<br>VND | Cộng<br>VND            |
|----------------------------|----------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá:                |                                  |                             |                               |                        |
| Tại ngày 01/04/2023        | 34.345.180.908                   | 120.177.575.232             | 2.927.734.110                 | 157.450.490.250        |
| Mua sắm trong kỳ           | -                                | 8.799.305.735               | -                             | 8.799.305.735          |
| Thanh lý, nhượng bán       | -                                | (17.356.740.399)            | -                             | (17.356.740.399)       |
| <b>Tại ngày 30/09/2023</b> | <b>34.345.180.908</b>            | <b>111.620.140.568</b>      | <b>2.927.734.110</b>          | <b>148.893.055.586</b> |
| Giá trị hao mòn lũy kế:    |                                  |                             |                               |                        |
| Tại ngày 01/04/2023        | 14.522.846.074                   | 84.559.672.444              | 2.927.734.110                 | 102.010.252.628        |
| Khấu hao trong kỳ          | 771.491.964                      | 10.256.441.236              | -                             | 11.027.933.200         |
| Thanh lý, nhượng bán       | -                                | (3.032.675.458)             | -                             | (3.032.675.458)        |
| <b>Tại ngày 30/09/2023</b> | <b>15.294.338.038</b>            | <b>91.783.438.222</b>       | <b>2.927.734.110</b>          | <b>110.005.510.370</b> |
| Giá trị còn lại:           |                                  |                             |                               |                        |
| Tại ngày 01/04/2023        | 19.822.334.834                   | 35.617.902.788              | -                             | 55.440.237.622         |
| <b>Tại ngày 30/09/2023</b> | <b>19.050.842.870</b>            | <b>19.836.702.346</b>       | <b>-</b>                      | <b>38.887.545.216</b>  |

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình là 19.050.842.881 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng – Xem thêm Mục 4.15.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 43.257.081.407 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

| Máy móc, thiết bị      | Tại ngày 01/04/2023<br>VND | Tăng<br>VND     | Giảm<br>VND     | Tại ngày 30/09/2023<br>VND |
|------------------------|----------------------------|-----------------|-----------------|----------------------------|
| Nguyên giá             | 27.092.114.604             | 21.233.869.607  | 6.914.533.668   | 41.411.450.543             |
| Giá trị hao mòn lũy kế | (17.523.418.128)           | (4.657.606.498) | (6.914.533.668) | (15.266.490.958)           |
| <b>Giá trị còn lại</b> | <b>9.568.696.476</b>       |                 |                 | <b>26.144.959.585</b>      |

**4.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

|                                                                | Tại ngày 30/09/2023<br>VND |                        | Tại ngày 01/04/2023<br>VND |                        |
|----------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------|----------------------------|------------------------|
|                                                                | Giá trị                    | Số có khả năng trả nợ  | Giá trị                    | Số có khả năng trả nợ  |
| Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8                | 88.393.816                 | 88.393.816             | 463.410.339                | 463.410.339            |
| Phải trả cho người bán:                                        |                            |                        |                            |                        |
| Công ty TNHH Công nghệ AZT Việt Nam                            | 33.525.801.110             | 33.525.801.110         | -                          | -                      |
| Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp và Thương mại Quốc tế Thăng Long | 29.887.270.000             | 29.887.270.000         | 29.887.270.000             | 29.887.270.000         |
| Avu Pty Ltd                                                    | 27.190.130.259             | 27.190.130.259         | 31.916.526.673             | 31.916.526.673         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Quốc gia ADG    | 24.788.412.474             | 24.788.412.474         | 4.231.975.166              | 4.231.975.166          |
| Cisco International Limited                                    | 9.300.042.714              | 9.300.042.714          | 15.911.293.109             | 15.911.293.109         |
| Phải trả cho các đối tượng khác (*)                            | 82.938.398.490             | 82.938.398.490         | 122.783.381.873            | 122.783.381.873        |
| <b>Cộng</b>                                                    | <b>207.718.448.863</b>     | <b>207.718.448.863</b> | <b>205.193.857.160</b>     | <b>205.193.857.160</b> |

(\*) Tại ngày 30/09/2023, mỗi khoản phải trả cho các đối tượng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số phải người bán ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|                                                                | Tại ngày<br>30/09/2023<br>VND | Tại ngày<br>01/04/2023<br>VND |
|----------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt                              | 8.631.135.208                 | 13.322.019.319                |
| Công ty Cổ phần Cảng Long An                                   | 5.694.508.867                 | 5.694.508.867                 |
| Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM                              | 5.553.360.000                 | -                             |
| Ngân hàng Chính sách Xã hội                                    | -                             | 7.609.280.000                 |
| Ban quản lý Dự án Chuyển đổi số Ngành tài nguyên và Môi trường | -                             | 6.656.734.000                 |
| Các đối tượng khác                                             | 28.856.316.985                | 24.318.357.357                |
| <b>Cộng</b>                                                    | <b>48.735.321.060</b>         | <b>57.600.899.543</b>         |

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

|                            | Tại ngày 30/09/2023<br>VND |                      | Trong kỳ<br>VND       |                       | Tại ngày 01/04/2023<br>VND |                      |
|----------------------------|----------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------------|----------------------|
|                            | Phải thu                   | Phải nộp             | Phải nộp              | Đã nộp/Khấu trừ       | Phải thu                   | Phải nộp             |
| Thuế giá trị gia tăng      | 12.387.422                 | 4.252.970.896        | 36.078.641.412        | 35.844.988.497        | -                          | 4.006.930.559        |
| Thuế xuất, nhập khẩu       | -                          | 615.792              | 192.435.227           | 195.165.206           | -                          | 3.345.771            |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 49.504.490                 | -                    | -                     | 2.265.778.474         | 49.504.490                 | 2.265.778.474        |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 972.429                    | 1.583.706.591        | 2.629.406.502         | 1.276.098.796         | -                          | 229.426.456          |
| Các loại thuế khác         | -                          | -                    | 130.594.137           | 1.418.118.615         | -                          | 1.287.524.478        |
| <b>Cộng</b>                | <b>62.864.341</b>          | <b>5.837.293.279</b> | <b>39.031.077.278</b> | <b>41.000.149.588</b> | <b>49.504.490</b>          | <b>7.793.005.738</b> |

**4.13. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

|                                                           | Tại ngày<br>30/09/2023<br>VND | Tại ngày<br>01/04/2023<br>VND |
|-----------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Lãi từ bán và thuê lại TSCĐ thuê tài chính chưa thực hiện | 10.262.444.846                | 6.766.852.519                 |
| Doanh thu cho thuê nhận trước                             | 2.816.306.834                 | 2.309.800.120                 |
| <b>Cộng</b>                                               | <b>13.078.751.680</b>         | <b>9.076.652.639</b>          |

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.14. Phải trả ngắn hạn khác**

|                                                                  | Tại ngày<br>30/09/2023<br>VND | Tại ngày<br>01/04/2023<br>VND |
|------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Nhận ứng trước tiền mua cổ phần sẽ phát hành thêm tại Công ty mẹ | 14.200.000.000                | 18.335.947.000                |
| Cổ tức còn phải trả                                              | 2.162.996.700                 | 2.162.996.700                 |
| Kinh phí công đoàn                                               | 1.005.010.117                 | 1.372.357.902                 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác                                | 463.841.011                   | 2.896.860.560                 |
| <b>Cộng</b>                                                      | <b>17.831.847.828</b>         | <b>24.768.162.162</b>         |
| Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8   | 8.747.637.750                 | 1.547.637.750                 |

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.15. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

|                                          | Tại ngày 30/09/2023<br>VND |                          | Trong kỳ<br>VND        |                        | Tại ngày 01/04/2023<br>VND |                          |
|------------------------------------------|----------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|----------------------------|--------------------------|
|                                          | Giá trị                    | Số có khả năng<br>trả nợ | Tăng                   | Giảm                   | Giá trị                    | Số có khả năng<br>trả nợ |
| Ngắn hạn:                                |                            |                          |                        |                        |                            |                          |
| Vay ngân hàng                            | 280.380.525.447            | 280.380.525.447          | 277.894.302.876        | 316.578.229.635        | 319.064.452.206            | 319.064.452.206          |
| Vay ngân hàng dài<br>hạn đến hạn trả     | 3.754.260.215              | 3.754.260.215            | 1.877.130.108          | 1.877.130.108          | 3.754.260.215              | 3.754.260.215            |
| Nợ thuê tài chính đến<br>hạn trả         | 8.651.448.912              | 8.651.448.912            | 11.909.943.807         | 7.537.882.404          | 4.279.387.509              | 4.279.387.509            |
| <b>Cộng</b>                              | <b>292.786.234.574</b>     | <b>292.786.234.574</b>   | <b>291.681.376.791</b> | <b>325.993.242.147</b> | <b>327.098.099.930</b>     | <b>327.098.099.930</b>   |
| Dài hạn:                                 |                            |                          |                        |                        |                            |                          |
| Vay ngân hàng                            | 8.447.084.406              | 8.447.084.406            | -                      | 1.877.130.108          | 10.324.214.514             | 10.324.214.514           |
| Trừ vay ngân hàng<br>dài hạn đến hạn trả | (3.754.260.215)            | (3.754.260.215)          | (1.877.130.108)        | (1.877.130.108)        | (3.754.260.215)            | (3.754.260.215)          |
| Nợ thuê tài chính                        | 20.877.018.835             | 20.877.018.835           | 21.233.869.607         | 7.537.882.404          | 7.181.031.632              | 7.181.031.632            |
| Trừ nợ thuê tài chính<br>đến hạn trả     | (8.651.448.912)            | (8.651.448.912)          | (11.909.943.807)       | (7.537.882.404)        | (4.279.387.509)            | (4.279.387.509)          |
| <b>Cộng</b>                              | <b>16.918.394.114</b>      | <b>16.918.394.114</b>    | <b>7.446.795.692</b>   | <b>-</b>               | <b>9.471.598.422</b>       | <b>9.471.598.422</b>     |
| <b>Tổng cộng</b>                         | <b>309.704.628.688</b>     | <b>309.704.628.688</b>   | <b>299.128.172.483</b> | <b>325.993.242.147</b> | <b>336.569.698.352</b>     | <b>336.569.698.352</b>   |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.15. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

Các khoản nợ thuê tài chính được chi tiết như sau:

|                      | Tại ngày 30/09/2023                       |                      |                       | Tại ngày 01/04/2023                       |                    |                      |
|----------------------|-------------------------------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------------------------|--------------------|----------------------|
|                      | VND                                       |                      |                       | VND                                       |                    |                      |
|                      | Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính | Trả tiền lãi thuê    | Trả nợ gốc            | Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính | Trả tiền lãi thuê  | Trả nợ gốc           |
| Thời hạn:            |                                           |                      |                       |                                           |                    |                      |
| Từ 1 năm trở xuống   | 8.651.448.912                             | 1.811.964.318        | 6.839.484.594         | 4.279.387.509                             | 465.219.339        | 3.814.168.170        |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 12.225.569.923                            | 1.727.385.787        | 10.498.184.136        | 2.901.644.123                             | 142.323.668        | 2.759.320.455        |
| <b>Cộng</b>          | <b>20.877.018.835</b>                     | <b>3.539.350.105</b> | <b>17.337.668.730</b> | <b>7.181.031.632</b>                      | <b>607.543.007</b> | <b>6.573.488.625</b> |

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn là các khoản vay bằng VND, tổng hạn mức vay là 570 tỷ VND, có thời hạn 1 năm, mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu lãi suất từ 8,4%/năm đến 11,24%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Quyền sử dụng đất thuê tại lô số U14b-16a, đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại là 6.151.837.783 VND;
- Công trình xây dựng văn phòng, tài sản hình thành từ vốn vay với giá trị còn lại là 3.258.247.811 VND – Xem thêm Mục 4.8;
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Tập đoàn và khách hàng;
- Hàng hóa, khoản phải thu, hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm, sổ tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ vốn vay;
- Sổ tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ phương án vay, các khoản phải thu hình thành từ phương án vay.

Các khoản vay ngân hàng dài hạn là các khoản vay bằng VND, tổng hạn mức vay 20 tỷ VND, có thời hạn 5 năm, mục đích vay dùng để dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu lãi suất 8,5%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Mặt bằng tòa nhà văn phòng Hà Nội với giá trị còn lại là 15.792.595.070 VND – Xem thêm Mục 4.8;
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Tập đoàn và khách hàng.

Nợ thuê tài chính là các khoản nợ theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease có thời hạn từ 2 đến 4 năm, chịu lãi suất 8,36%/năm đến 10,92%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|                                                         | Vốn góp của chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng                   |
|---------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------------------------|
|                                                         | VND                    | VND                               | VND                             | VND                    |
| Tại ngày 01/04/2022                                     | 115.000.000.000        | 7.626.132.662                     | (738.287.148)                   | 121.887.845.514        |
| Lỗi trong 06 tháng đầu năm trước                        | -                      | (32.493.138.746)                  | (5.116.738.374)                 | (37.609.877.120)       |
| Tại ngày 01/10/2022                                     | 115.000.000.000        | (24.867.006.084)                  | (5.855.025.522)                 | 84.277.968.394         |
| Lãi trong 06 tháng cuối năm trước                       | -                      | 44.709.331.738                    | 3.166.541.329                   | 47.875.873.067         |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm tài chính 2021            | 6.783.800.000          | (6.783.800.000)                   | -                               | -                      |
| Tăng, giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại các công ty con | -                      | (8.451.730.659)                   | 3.455.730.659                   | (4.996.000.000)        |
| Tại ngày 01/04/2023                                     | 121.783.800.000        | 4.606.794.995                     | 767.246.466                     | 127.157.841.461        |
| Tăng vốn trong 06 tháng đầu năm nay (*)                 | 13.363.000.000         | -                                 | -                               | 13.363.000.000         |
| Lãi trong 06 tháng đầu năm nay                          | -                      | 917.576.928                       | 15.418.066                      | 932.994.994            |
| <b>Tại ngày 30/09/2023</b>                              | <b>135.146.800.000</b> | <b>5.524.371.923</b>              | <b>782.004.173</b>              | <b>141.453.176.096</b> |

(Xem tiếp trang sau)

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(\*) Tăng vốn trong 06 tháng đầu năm nay được thực hiện qua các chương trình chào bán như sau:

Chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động:

Vào ngày 02 tháng 03 năm 2023, Tập đoàn đã nhận được Công văn số 949/UBCK-QLCB của UBCKNN thông báo về việc đã công bố trên trang thông tin điện tử của UBCKNN về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Tập đoàn. Việc phát hành cổ phiếu này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 01/12/2022, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 36/2022/NQ-HĐQT ngày 07/12/2022, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 39/2022/NQ-HĐQT ngày 23/12/2022 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2023/NQ-HĐQT ngày 14/02/2023 với phương án phát hành 570.000 cổ phiếu, tương ứng 4,68% lượng cổ phiếu đang lưu hành theo phương thức chào bán trực tiếp cho cán bộ nhân viên chủ chốt của Tập đoàn với mục đích nhằm gắn kết lợi ích của người lao động với hiệu quả hoạt động của Tập đoàn, tăng tính cạnh tranh và tinh thần gắn kết của cán bộ nhân viên và phương án sử dụng vốn dùng để bổ sung nguồn vốn lưu động cho Tập đoàn.

Việc chào bán đã được hoàn thành vào ngày 14 tháng 04 năm 2023, với tổng số cổ phiếu đã bán là 486.300 cổ phiếu cho cán bộ nhân viên chủ chốt của Tập đoàn với mức giá bán là 10.000 VND/cổ phiếu, tương ứng 85,32% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành.

Vào ngày 24 tháng 04 năm 2023, Tập đoàn đã nhận được Công văn số 2130/UBCK-QLCB của UBCKNN thông báo nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Tập đoàn. Theo đó, số lượng cổ phiếu Tập đoàn đã phát hành là 486.300 cổ phiếu.

Chào bán cổ phiếu riêng lẻ:

Vào ngày 16 tháng 02 năm 2023, Tập đoàn đã nhận được Công văn số 677/UBCK-QLCB của UBCKNN thông báo về việc đã công bố trên trang thông tin điện tử của UBCKNN về việc nhận được đầy đủ hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Tập đoàn. Việc chào bán cổ phiếu này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 01/12/2022, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 36/2022/NQ-HĐQT ngày 07/12/2022, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 40/2022/NQ-HĐQT ngày 23/12/2022, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 41/2022/NQ-HĐQT ngày 23/12/2022, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 44/2022/NQ-HĐQT ngày 30/12/2022 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 45/2022/NQ-HĐQT ngày 30/12/2022 với phương án đăng ký chào bán 1.200.000 cổ phiếu với giá bán 10.000 VND/cổ phiếu với mục đích huy động nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và phương án sử dụng vốn dùng để thanh toán nợ phải trả của Tập đoàn.

Việc chào bán đã được hoàn thành vào ngày 14 tháng 04 năm 2023, với tổng số cổ phiếu đã bán là 850.000 cổ phiếu cho các nhà đầu tư với mức giá bán là 10.000 VND/cổ phiếu, tương ứng 70,83% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán.

Vào ngày 24 tháng 04 năm 2023, Tập đoàn đã nhận được Công văn số 2129/UBCK-QLCB của UBCKNN thông báo nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Tập đoàn. Theo đó, số lượng cổ phiếu Tập đoàn đã phát hành là 850.000 cổ phiếu.

Vốn điều lệ (theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) của Tập đoàn sau đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng từ 121.783.800.000 VND lên 135.146.800.000 VND.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

|                      | Tại ngày<br>30/09/2023<br>VND | Tại ngày<br>01/04/2023<br>VND |
|----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Ông Nguyễn Đức Quang | 19.992.780.000                | 19.992.780.000                |
| Cổ đông khác         | 115.154.020.000               | 101.791.020.000               |
| <b>Cộng</b>          | <b>135.146.800.000</b>        | <b>121.783.800.000</b>        |

**4.16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

|                               | Kỳ này<br>VND          | Kỳ trước<br>VND        |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|
| Vốn góp tại ngày 01/04        | 121.783.800.000        | 115.000.000.000        |
| Vốn góp tăng trong kỳ         | 13.363.000.000         | -                      |
| <b>Vốn góp tại ngày 30/09</b> | <b>135.146.800.000</b> | <b>115.000.000.000</b> |

**4.16.4. Cổ phiếu**

|                                                  | Tại ngày<br>30/09/2023 | Tại ngày<br>01/04/2023 |
|--------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành    | 13.514.680             | 12.178.380             |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng | 13.514.680             | 12.178.380             |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành        | 13.514.680             | 12.178.380             |

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.16.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

|                                                         | Kỳ này<br>VND | Kỳ trước<br>VND  |
|---------------------------------------------------------|---------------|------------------|
| Lãi/(Lỗ) sau thuế của cổ đông của công ty mẹ            | 917.576.928   | (32.493.138.746) |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi                          | -             | -                |
| Lãi/(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu               | 917.576.928   | (32.493.138.746) |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ | 13.412.449    | 11.500.000       |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                         | <b>68</b>     | <b>(2.825)</b>   |

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.16.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

|                                                                        | Kỳ này<br>VND | Kỳ trước<br>VND  |
|------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------|
| Lãi/(Lỗ) sau thuế của cổ đông của công ty mẹ                           | 917.576.928   | (32.493.138.746) |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi                                         | -             | -                |
| Lãi/(Lỗ) để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu                            | 917.576.928   | (32.493.138.746) |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ           | 13.412.449    | 11.500.000       |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm từ chia cổ tức | -             | 678.380          |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu         | 13.412.449    | 12.178.380       |
| <b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>                                      | <b>68</b>     | <b>(2.668)</b>   |

**4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

|                    | Tại ngày<br>30/09/2023 | Tại ngày<br>01/04/2023 |
|--------------------|------------------------|------------------------|
| Ngoại tệ các loại: |                        |                        |
| USD                | 4.222,65               | 1.626,23               |

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                                                                                         | Kỳ này<br>VND          | Kỳ trước<br>VND        |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu tích hợp hệ thống thiết bị công nghệ thông tin                                | 278.187.107.285        | 144.631.300.375        |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ                                                              | 67.142.799.799         | 120.196.867.929        |
| <b>Cộng</b>                                                                             | <b>345.329.907.084</b> | <b>264.828.168.304</b> |
| Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8 | 2.390.515.000          | 2.916.900.000          |

Doanh thu kỳ này tăng mạnh so với kỳ trước chủ yếu do thực hiện và nghiệm thu nhiều dự án lớn.

**5.2. Giá vốn hàng bán**

|                                                        | Kỳ này<br>VND          | Kỳ trước<br>VND        |
|--------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn tích hợp hệ thống thiết bị công nghệ thông tin | 226.845.550.705        | 128.711.822.813        |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ                               | 47.181.998.178         | 95.018.911.820         |
| <b>Cộng</b>                                            | <b>274.027.548.883</b> | <b>223.730.734.633</b> |

Giá vốn hàng bán tăng tương ứng với doanh thu kỳ này tăng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.3. Chi phí tài chính**

|                                                                 | Kỳ này<br>VND         | Kỳ trước<br>VND       |
|-----------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay                                                 | 19.586.560.637        | 13.096.132.595        |
| Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính                              | -                     | 1.004.379.306         |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá                                            | 776.732.011           | 644.502.080           |
| <b>Cộng</b>                                                     | <b>20.363.292.648</b> | <b>14.745.013.981</b> |
| Trong đó, chi phí lãi vay từ các bên liên quan – Xem thêm Mục 8 | 162.123.289           | 516.712.330           |

Chi phí tài chính kỳ này tăng so với kỳ trước do lãi suất vay ngân hàng tăng dẫn đến chi phí lãi vay tăng.

**5.4. Chi phí bán hàng**

|                           | Kỳ này<br>VND         | Kỳ trước<br>VND       |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên         | 18.897.414.965        | 19.981.104.489        |
| Chi phí bảo hành          | 11.101.554            | 241.792.460           |
| Chi phí pre – sales       | 133.166.441           | 527.429.088           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.745.700.023         | 2.150.187.742         |
| Chi phí bằng tiền khác    | 2.428.898.986         | 2.014.998.895         |
| <b>Cộng</b>               | <b>25.216.281.969</b> | <b>24.915.512.674</b> |

**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|                                             | Kỳ này<br>VND         | Kỳ trước<br>VND       |
|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý                   | 11.733.885.158        | 14.741.503.729        |
| Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng | 908.851.061           | 997.908.364           |
| Chi phí khấu hao                            | 1.890.256.164         | 3.605.314.808         |
| Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi        | 6.683.023.423         | 19.501.595.361        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                   | 6.302.142.187         | 5.626.017.699         |
| Chi phí bằng tiền khác                      | 1.199.855.443         | 1.713.129.016         |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>28.718.013.436</b> | <b>46.185.468.977</b> |

Chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ này giảm mạnh so với kỳ trước chủ yếu do chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi giảm.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                      | <u>Kỳ này<br/>VND</u>         | <u>Kỳ trước<br/>VND</u>       |
|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí hàng hóa, nguyên liệu        | 214.305.224.371               | 133.684.614.787               |
| Chi phí nhân công                    | 31.995.363.950                | 36.733.766.443                |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định     | 15.809.261.687                | 16.447.166.153                |
| Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi | 6.683.023.423                 | 19.501.595.361                |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài            | 69.060.872.171                | 91.709.891.286                |
| Chi phí khác bằng tiền               | 4.407.538.517                 | 4.732.979.972                 |
| <b>Cộng</b>                          | <b><u>342.261.284.119</u></b> | <b><u>302.810.014.002</u></b> |

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

|                                             | <u>Kỳ này<br/>VND</u> | <u>Kỳ trước<br/>VND</u> |
|---------------------------------------------|-----------------------|-------------------------|
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 277.894.302.876       | 218.576.229.567         |

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

|                                              | <u>Kỳ này<br/>VND</u> | <u>Kỳ trước<br/>VND</u> |
|----------------------------------------------|-----------------------|-------------------------|
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | (318.455.359.743)     | (319.199.347.726)       |

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo đánh giá của Tổng Giám đốc Tập đoàn, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Tập đoàn cung cấp hoặc do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tập đoàn chủ yếu là từ cung cấp thiết bị và dịch vụ điện tử, tin học, giải pháp kỹ thuật tổng thể tích hợp hệ thống công nghệ thông tin nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh cần phải thuyết minh.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn chủ yếu tại TP. Hồ Chí Minh. Do vậy, không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- |                                           |                          |
|-------------------------------------------|--------------------------|
| 1. Công ty Cổ phần Công nghệ QI           | Công ty liên kết         |
| 2. Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas       | Công ty liên kết         |
| 3. Công ty TNHH Dịch vụ Tin học CEH       | Công ty liên kết         |
| 4. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

|                                                         | <b>Tại ngày<br/>30/09/2023<br/>VND</b> | <b>Tại ngày<br/>01/04/2023<br/>VND</b> |
|---------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| <b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng:</b>                |                                        |                                        |
| Công ty Cổ phần Công nghệ QI                            | 1.259.388.000                          | 1.534.500.000                          |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas                        | 49.306.849                             | 49.306.849                             |
| <b>Cộng – Xem thêm Mục 4.3</b>                          | <b>1.308.694.849</b>                   | <b>1.583.806.849</b>                   |
|                                                         | <b>Tại ngày<br/>30/09/2023<br/>VND</b> | <b>Tại ngày<br/>01/04/2023<br/>VND</b> |
| <b>Phải thu về cho vay ngắn hạn:</b>                    |                                        |                                        |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas                        | 800.000.000                            | 800.000.000                            |
|                                                         | <b>Tại ngày<br/>30/09/2023<br/>VND</b> | <b>Tại ngày<br/>01/04/2023<br/>VND</b> |
| <b>Phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.10:</b> |                                        |                                        |
| Công ty Cổ phần Công nghệ QI                            | (88.393.816)                           | (463.410.339)                          |

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

|                                                                               | Tại ngày<br>30/09/2023<br>VND | Tại ngày<br>01/04/2023<br>VND |
|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Các khoản cho mượn phải trả:                                                  |                               |                               |
| Ông Nguyễn Đức Quang                                                          | -                             | (850.000.000)                 |
| Ông Đỗ Văn Hào                                                                | -                             | (400.000.000)                 |
| Nhận ứng trước tiền mua cổ phần mà Tập đoàn sẽ phát hành thêm:                |                               |                               |
| Công ty Cổ phần Công nghệ QI                                                  | (4.500.000.000)               | -                             |
| Ông Nguyễn Đức Quang                                                          | (4.000.000.000)               | -                             |
| Ông Nguyễn Xuân Trường                                                        | -                             | (250.000.000)                 |
| Nhận ứng trước tiền chuyển nhượng vốn:                                        |                               |                               |
| Công ty TNHH Dịch vụ Tin học CEH                                              | (200.000.000)                 | (100.000.000)                 |
| Cổ tức còn phải trả:                                                          |                               |                               |
| Ông Đặng Nam Sơn                                                              | (47.637.750)                  | (47.637.750)                  |
| <b>Cộng – Xem thêm Mục 4.14</b>                                               | <b><u>(8.747.637.750)</u></b> | <b><u>(1.647.637.750)</u></b> |
| Trong kỳ, Tập đoàn đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau: |                               |                               |
|                                                                               | Kỳ này<br>VND                 | Kỳ trước<br>VND               |
| Bán hàng và cung cấp dịch vụ:                                                 |                               |                               |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ QI                                                  | 2.390.515.000                 | 2.876.900.000                 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Tin học CEH                                              | -                             | 40.000.000                    |
| <b>Cộng – Xem thêm Mục 5.1</b>                                                | <b><u>2.390.515.000</u></b>   | <b><u>2.916.900.000</u></b>   |
|                                                                               | Kỳ này<br>VND                 | Kỳ trước<br>VND               |
| Mua hàng hóa và dịch vụ:                                                      |                               |                               |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ QI                                                  | 250.541.880                   | 85.127.248                    |

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

|                                       | Kỳ này<br>VND      | Kỳ trước<br>VND    |
|---------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay, chi phí sử dụng vốn: |                    |                    |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ QI          | 162.123.289        | -                  |
| Ông Lê Hồng Phong                     | -                  | 516.712.330        |
| <b>Cộng – Xem thêm Mục 5.3</b>        | <b>162.123.289</b> | <b>516.712.330</b> |

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có tài sản bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản chi phí sử dụng vốn từ các bên liên quan chịu lãi suất từ 8,1%/năm đến 11,5%/năm.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

| Tên                    | Chức danh                                            | Kỳ này<br>VND        | Kỳ trước<br>VND      |
|------------------------|------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Ông Nguyễn Đức Quang   | Chủ tịch HĐQT                                        | 318.000.000          | 263.000.000          |
| Ông Đỗ Văn Hào         | Phó Chủ tịch HĐQT                                    | 258.000.000          | 263.000.000          |
| Ông Nguyễn Việt Thắng  | Phó Chủ tịch HĐQT<br>(bổ nhiệm ngày<br>30/10/2023)   | 226.500.000          | 93.000.000           |
| Ông Hoàng Hải Thịnh    | Phó Chủ tịch HĐQT<br>(miễn nhiệm ngày<br>16/07/2022) | -                    | 226.200.000          |
| Ông Đặng Nam Sơn       | Thành viên HĐQT                                      | 96.000.000           | 27.891.304           |
| Ông Nguyễn Tuấn Nghĩa  | Thành viên HĐQT                                      | 96.000.000           | 27.891.304           |
| Ông Lê Hồng Phong      | Thành viên HĐQT                                      | 222.200.000          | 561.050.000          |
| Ông Nguyễn Hồng Minh   | Tổng Giám đốc                                        | 731.554.545          | -                    |
| Ông Nguyễn Xuân Trường | Phó Tổng Giám đốc                                    | 470.600.000          | 465.902.381          |
| Ông Trần Tuyên Đức     | Phó Tổng Giám đốc                                    | 426.000.000          | 298.000.000          |
| Ông Lê Quốc Khánh      | Phó Tổng Giám đốc<br>(miễn nhiệm ngày<br>03/04/2023) | -                    | 413.384.524          |
| <b>Cộng</b>            |                                                      | <b>2.844.854.545</b> | <b>2.639.319.513</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****9. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT**

| <u>Tên</u>              | <u>Chức vụ</u>                             | <u>Kỳ này<br/>VND</u> | <u>Kỳ trước<br/>VND</u> |
|-------------------------|--------------------------------------------|-----------------------|-------------------------|
| Bà Mai Thị Thúy Mai     | Trưởng ban                                 | 77.454.545            | 51.201.183              |
| Bà Đặng Thị Thanh Hương | Thành viên                                 | 70.800.000            | 18.900.000              |
| Bà Trần Thị Mỹ Nhi      | Thành viên (bổ nhiệm<br>ngày 19/07/2023)   | 14.608.696            | -                       |
| Bà Nguyễn Thị Minh Huân | Thành viên (miễn nhiệm<br>ngày 16/07/2022) | -                     | 26.400.000              |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hiền  | Thành viên (miễn nhiệm<br>ngày 16/07/2022) | -                     | 24.000.000              |
| <b>Cộng</b>             |                                            | <b>162.863.241</b>    | <b>120.501.183</b>      |

**10. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH**

Tập đoàn đang thuê một bộ phận riêng biệt của máy móc thiết bị với thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 4 năm theo các hợp đồng thuê tài chính với thời hạn từ 2 đến 4 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai đã được trình bày ở Mục 4.15.

**11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.



**Nguyễn Hồng Minh**  
Tổng Giám đốc

**Ngô Tiến Mạnh**  
Kế toán trưởng

**Đậu Trọng Hiệp**  
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023

Số: 12/2023/GT-BCTHNCKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023

"V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế  
BCTCHNKT bán niên trên chỉ tiêu số 60  
BCKQKD thay đổi so với cùng kỳ năm trước,  
lợi nhuận chuyển từ âm sang dương"

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

**- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (mã CK: SBD) xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại chỉ tiêu số 60 báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo thay đổi từ âm sang dương so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

DVT: Triệu đồng

| Stt | Chỉ tiêu                                                                  | 6 tháng<br>Năm 2023 | 6 tháng<br>Năm 2022 | Chênh<br>lệch | %<br>tăng/(giảm) |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|---------------|------------------|
| 1   | Lợi nhuận hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp (chỉ tiêu số 60 BCKQKD) | 0,932               | (37.609)            | 38.541        | 4.135,3%         |

Xác định được những khó khăn và thách thức, ngay từ những tháng đầu năm tài chính 2023, HĐQT và Ban điều hành SBD đã tập trung chỉ đạo các khối kinh doanh, bộ phận triển khai, bộ phận chuyên môn đã tập trung cao để đẩy nhanh và hoàn thành đúng tiến độ các dự án. Nên kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty Mẹ và các Công ty con đã khả quan hơn 6 tháng đầu năm 2022. (Do 6 tháng đầu năm 2022 Công ty Mẹ và các Công ty con vẫn đang bị ảnh hưởng của dịch Covid làm ảnh hưởng đến nguồn cung cấp hàng hóa bị đứt gãy trong và sau đại dịch). Ngoài ra, trong 6 tháng đầu năm 2023 Công ty Mẹ và các Công ty con đã có một số dự án lớn được hoàn thành theo đúng kế hoạch. Kết quả 6 tháng đầu năm tài chính 2023, Công ty Mẹ và các Công ty con đã ghi nhận 345 tỷ doanh thu, tăng 81 tỷ so với cùng kỳ năm 2022. Điều này dẫn đến lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty Mẹ và các Công ty con tăng so với lợi nhuận sau thuế của 6 tháng đầu năm 2022.

Từ nguyên nhân trên nên chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 trên BCTCKT của Công ty Mẹ và các Công ty con so với BCTCHN 6 tháng đầu năm 2022 tăng 38,5 tỷ đồng. Trên đây là nội dung giải trình khoản mục lợi nhuận sau thuế BCTCKT hợp nhất 6 tháng đầu năm tài chính 2023.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT.



Số: 14/2023/GT-BCTCHNKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 11 năm 2023

"V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế  
BCTCHNKT và lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo  
cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ  
5% trở lên"

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

**- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (mã CK: SBD) xin giải trình biến động lợi nhuận hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại chỉ tiêu số 60 báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trước chênh lệch 5% trở lên so với lợi nhuận sau khi kiểm toán:

ĐVT: Triệu đồng

| Stt | Chỉ tiêu                                                                    | Sau kiểm toán | Trước kiểm toán | Chênh lệch | % tăng/(giảm) |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|---------------|-----------------|------------|---------------|
| 1   | Lợi nhuận hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp (chỉ tiêu số 60 BCKQKDHN) | 0,932         | 5.764           | (4.832)    | 518,4%        |

Sau khi thực hiện công tác kiểm toán 6 tháng đầu năm tài chính 2023, kết quả kinh doanh hợp nhất trước và sau kiểm toán của Công ty Mẹ và các Công ty con đã giảm 4,8 tỷ đồng do các nguyên nhân sau: Công ty ghi nhận trích trước thêm các khoản nghĩa vụ phải trả cho nhà cung cấp và ghi nhận thêm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ, ngoài ra đơn vị kiểm toán cũng đã đánh giá chênh lệch gốc ngoại tệ các khoản phải trả cho nhà cung cấp nước ngoài có công nợ gốc ngoại tệ, do biến động mạnh về tỷ giá ngoại tệ tại thời điểm so với tỷ giá ghi sổ kết toán và ghi nhận khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi từ các Công ty con, Nên kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty Mẹ và các Công ty con đã ghi nhận tăng thêm chi phí trong kỳ 4,8 tỷ đồng và làm giảm lợi nhuận so với BCTC của Công ty lập với giá trị giảm là 4,8 tỷ đồng.

Từ nguyên nhân trên nên chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 trên BCTCHNKT hợp nhất so với BCTC do Công ty lập tại ngày 30/09/2023 có sự chênh lệch giảm 4,8 tỷ đồng. Trên đây là nội dung giải trình khoản mục lợi nhuận sau thuế BCTCKT hợp nhất 6 tháng đầu năm tài chính 2023 chênh lệch so với BCTC hợp nhất do Công ty lập tại ngày 30/09/2023.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT.

